

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 144/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20-02-2025

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Phước Trinh.

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Văn Bé, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:** Không tham gia.

Trong ngày 20/02/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1091/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 791/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu H, sinh năm: 1999. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số G, tổ D, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Bị đơn: Ông Thái Văn T, sinh năm: 1992 (Vắng mặt)

Thường trú: Số C Đường A, Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:

Bà chung sống với ông T có Giấy chứng nhận kết hôn số 103, ngày 27/12/2017 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không thể kéo dài. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 01 con chung là Thái Văn C, sinh ngày 16/3/2018, bà yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng 01 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Thái Văn T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thu H yêu cầu ly hôn với ông Thái Văn T. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Ly hôn theo yêu cầu của một bên” quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, thuộc trường hợp “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Thái Văn T cư trú tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Việc vắng mặt của ông Thái Văn T, Tòa án đã triệu tập, và thực hiện thủ tục tố tụng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật ông T có ký nhận các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Đồng thời, ngày 30/12/2024, bà H có Đơn xin xét vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Trần Thị Thu H và ông Thái Văn T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 103, ngày 27/12/2017, hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy việc bà H yêu cầu ly hôn với ông T vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông T vắng mặt không có lý do chính đáng là tự bỏ quyền chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là Thái Văn C, sinh ngày 16/3/2018, bà H yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng 01 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, trẻ Thái Văn C có nguyện vọng được sống với bà H và việc ông T vắng mặt Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của bà H.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Các bên không tranh chấp.

[7] Về nợ chung: Các bên không tranh chấp.

[8] Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Thu H phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Thái Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 103, ngày 27/12/2017 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Thị Thu H và ông Thái Văn T hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Trần Thị Thu H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung là Thái Văn C, sinh ngày 16/3/2018 cho đến khi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Thu H không yêu cầu ông Thái Văn T phải cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Các bên không tranh chấp.

- Về nợ chung: Các bên không tranh chấp.

2. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Trần Thị Thu H chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Thu H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016253 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thanh Liêm